PHỤ LỤC 1

Điều chỉnh chiều dài 08 đường, đổi tên 01 đường và đặt tên 51 đường trên địa bàn thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(Kèm theo Nghị quyết số 258/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
I	**DANH SÁCH TÊN ĐƯỜNG ĐIỀU CHỈNH CHIỀU DÀI**							
1	**Nguyễn Huệ**	**Cầu Đúc**	**Mố B Cầu An Bình Km 31+200**			**3.915**	**Nhựa**	
	Đoạn 1: Nguyễn Huệ	Cầu Đúc	Cầu Đình Trung	16	4	1.280	Nhựa	Phường 1
	Đoạn 2	Cầu Đình Trung	Quốc lộ 30, cổng chào khu 500 căn (giáp Huyện Cao Lãnh) **Km 32**	22	5	2.135	Nhựa	Phường Mỹ Phú
	Đoạn 3	Quốc lộ 30, cổng chào khu 500 căn (giáp Huyện Cao Lãnh)	Mố B Cầu An Bình **Km 31+200**	12	8	500	Nhựa	Huyện Cao Lãnh
2	**30/4**	**Nguyễn Huệ**	**Mố A Cầu Phong Mỹ (Huyện Cao Lãnh) Km 46+900**			**11.418**	**Nhựa**	
	Đoạn 1: 30/4	Đường Nguyễn Huệ	Cầu Kinh Cụt	16	5	2.330	Nhựa	Phường 1
	Đoạn 2	Cầu Kinh Cụt	Đường Bình Trị	9	4	3.000	Nhựa	Xã Mỹ Tân
	Đoạn 3	Đường Bình Trị	Đường Cầu Ông Kho (giáp xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh) **Km 46+200**	6	2	5.300	Nhựa	Phường 11
	Đoạn 4	Cầu Ông Kho	Mố A Cầu Phong Mỹ	7	-	785	Nhựa	Huyện Cao Lãnh

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
		(giáp xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh)	**Km 46+900**					
3	**Cái Tôm**	**Cái Tắc – Thông Lưu (Ngã 3 cầu Miễu Bà)**	**Cầu Cái Tôm trong (Trường CĐ Y tế)**	**3**	**1**	**4.050**	**Đal**	
	Đoạn 1: Cái Tôm	Cái Tắc – Thông Lưu (Ngã 3 cầu Miễu Bà)	Đường dal đi P6 (Ngã 3 Cái Tắc)	3	1	2.200	đal	Xã Hòa An
	Đoạn 2	Đường dal đi P6 (Ngã 3 Cái Tắc)	Cầu Cái Tôm trong (Trường CĐ Y tế)	3	1	1.850	đal	Phường 6
4	**Nguyễn Trung Trực**					**1.400**	**Nhựa**	
	Đoạn 1: Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 30	Đường dal tổ 9-10	4	1,5	700	Nhựa	Phường 11
	Đoạn 2	Đường dal tổ 9-10	Quốc lộ 30	5	2	700	Nhựa	Phường 11
5	**Nguyễn Thị Đầm**	**Cầu ngọn Cái Tôm (Giáp xã T.T.Tây)**	**Nguyễn Công Nhàn**	**3**	**1**	**2.600**	**Nhựa, đal**	
	Đoạn 1: Nguyễn Thị Đầm	Cầu ngọn Cái Tôm (Giáp xã T.T.Tây)	Đường Sáu Quốc (Ngã 3 Sáu Quốc)	3	1	1.800	Nhựa	Xã Hòa An
	Đoạn 2	Đường Sáu Quốc (Ngã 3 Sáu Quốc)	Nguyễn Công Nhàn	3	1	800	đal	Xã Tân Thuận Tây
6	**Hòa Tây**	**Nguyễn Thái Học**	**Giáp sông Tiền**			**4.600**	**Nhựa**	
	Đoạn 1: Hòa Tây	Nguyễn Thái Học	Cầu Bằng Lăng			3.500	Nhựa	Xã Hòa An
	Đoạn 2	Hòa Tây (cầu Bằng Lăng)	Giáp sông Tiền	3,5	1	1.100	Nhựa	Xã Tân Thuận Tây
7	**Mai Văn Khải**	**Cầu Bà Vạy**	**Trần Văn Năng**			**10.600**	**Nhựa, đal**	
	Đoạn 1: Mai Văn Khải	Cầu Bà Vạy	Cầu Ngã Ba	3,5	1,25	6.200	Nhựa	Xã Mỹ Tân

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
			(Qua UBND xã Mỹ Ngãi)					
	Đoạn 2	Cầu Ngã Ba (Qua UBND xã Mỹ Ngãi)	Đường Trần Văn Năng	3	1	4.400	đal	Xã Mỹ Ngãi
8	**Trương Hán Siêu**	**Đường Tôn Đức Thắng**	**Khu chức năng 3**	**12**	**4-6**	**647**	Nhựa	
	Đoạn 1: Trương Hán Siêu	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Quang Diệu	12	4-6	279	Nhựa	Phường Mỹ Phú
	Đoạn 2	Đường Trần Quang Diệu	Khu chức năng 3	12	5	368	Nhựa	Phường Mỹ Phú
II	**DANH SÁCH CÁC ĐƯỜNG DỰ KIẾN ĐẶT TÊN MỚI**							
PHƯỜNG 4								
1	Lê Văn Giáo	Cao Thắng	Lê Văn Đáng	9	5	535	Nhựa	**Ông Lê Văn Giáo (Năm Giáo)** Là người có công chăm sóc, tổ chức tang lễ, chôn cất và thờ cúng cụ Nguyễn Sinh Sắc thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.
2	Nguyễn Văn Sành	Đường số 2 Khu Di tích NSS	Nguyễn Thái học	5,5	3	225,3	Nhựa	**Ông Nguyễn Văn Sành *(1868 – 1953)*** Là hương chủ làng Hòa An, chủ chùa Hòa Long. Người bảo bọc, che chở cụ Nguyễn Sinh Sắc sống và hoạt động tại làng Hòa An.

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
3	Lê Văn Hoanh	Đường số 1 Khu Di tích NSS	Nguyễn Văn Sành	9	4	721,6	Nhựa	**Lê Văn Hoanh *(1899 – 1987)*** Nguyên Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Long Châu năm 1948; Chủ tịch Mặt trận Liên Việt tỉnh Long Châu Sa năm 1953.
PHƯỜNG 6								
4	**Tân Việt Hòa**	Phạm Hữu Lầu	Bến đò Doi Me (Xã Tịnh Thới)			6.800	Nhựa	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.*
	Đoạn 1: Phường 6	Phạm Hữu Lầu	Cầu Bà Bảy (Giáp Tịnh Thới)	5	2	2.000	Nhựa	
	Đoạn 2: Xã Tịnh Thới	Cầu Bà Bảy (Giáp Phường 6)	Bến đò Doi Me	3,5	0,75	4.800	Nhựa	
5	**An Nhơn**	Phạm Hữu Lầu	Bến đò An Nhơn	5	2	1.300	Nhựa	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.*
6	**Khai Long**	Phạm Hữu Lầu	Rạch Cái Quạ	3,5	1,25	1.500	Nhựa	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.*
7	**Nguyễn Hương**	Nguyễn Văn Dũng	Cống Năm Bời (Xã Tịnh Thới)			6.475	Nhựa, Dal	**Ông Nguyễn Hương *(1819 - 1867)*** Được vua Tự Đức cử giữ

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
								chức Chánh Lãnh binh trấn nhậm ở Hà Tiên.
	Đoạn 1	Nguyễn Văn Dũng	Cầu Long Sa (giáp xã Tịnh Thới)	3,5	2	2.375	Nhựa, Dal	*(Trên địa bàn Phường 6)*
	Đoạn 2	Cầu Long Sa	Cống Năm Bời	3,5	1,25	4.100	Nhựa	*(Trên địa bàn xã Tịnh Thới)*
8	**Lê Văn Kiếc**	Nguyễn Hương	Đường đất Hậu Trường ĐH ĐT	3	1	1.035	Dal	**Ông Lê Văn Kiếc (1923 – 1972)** Bí danh Lê Trung Nghĩa, Ba Nghĩa. *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.* Nguyên Tỉnh đội phó Tỉnh đội Kiến Phong, là người trực tiếp ôm gói bộc phá 10kg đánh sập ngôi tháp 10 tầng của Ngô Đình Diệm xây dựng tại gò Tháp Mười làm "viễn vọng đài quan sát" vào ngày 04/01/1960.
9	**Nguyễn Văn Khải**	Tân Việt Hòa	Đường đất (giáp xã Tịnh Thới)	3,5	1,25	1.131	Nhựa	**Ông Nguyễn Văn Khải *(1940 - 1966)*** *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.* Nguyên Đại đội phó Đại đội Đặc công tỉnh Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp).

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
10	**Văn Tấn Bảy**	Cầu Sông Tiên Khóm 4-5	Đường Xóm Hến (Xã Tịnh Thới)	3	1	2.525	Dal	**Ông Văn Tấn Bảy *(1936 – 1972)*** *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.* Ông là điệp báo Ban An ninh Sa Đéc (tỉnh Vĩnh Long) năm 1964, cùng đồng đội tiêu diệt Ty Cảnh sát Sa Đéc, chặn đứng nhiều trận càn quét của địch.
11	**Quản Bạch**	Đường Cái Tôm	An Nhơn	3	1	1.700	Dal, Nhựa	**Ông Quản Bạch (? – 1867)** Ông là thuộc cấp của Chánh lãnh binh Nguyễn Hương, giỏi võ nghệ từng làm quân Pháp hoang mang một thời.
12	**Miễu Ngói**	Phạm Hữu Lầu	Quản Bạch	3,5	1,25	773	Nhựa	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.*
13	**Trần Trọng Khiêm**	Cầu Cái Tôm trong	Cầu chùa Hội Khánh			5.063	Dal, đá mi	**Ông Trần Trọng Khiêm (1821 – 1866)** tức Lê Kim. Ông là thuộc cấp của Võ Duy Dương, là một trong

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
								những người đầu tiên khai phá, lập nên làng Hòa An thuộc phủ Tân Thành, tỉnh Định Tường xưa (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp).
	Đoạn 1: Phường 6	Cầu Cái Tôm trong (Trường CĐ Y tế)	Cống Cần Quỵch (giáp xã Tịnh Thới)	3	1	763	Dal	
	Đoạn 2: Xã Tịnh Thới	Cống Cần Quỵch	Cầu chùa Hội Khánh	3,5	1,25	4.300	Dal, đá mi	
14	**Nguyễn Văn Dũng**	An Nhơn	Nguyễn Hương	3,5	1,25	874	Nhựa	**Ông Nguyễn Văn Dũng *(1952 - 1970)*** *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân* (thuộc lực lượng Công an). Nguyên Tiểu đội phó Đội trinh sát vũ trang Ban An ninh tỉnh Vĩnh Long. Anh dũng hy sinh trong trận tập kích Đoàn bình định số 23, tại khu trù mật Cái Sơn, Tam Bình ngày 26-4-1970
15	**Nguyễn Văn Voi**	Phạm Hữu Lầu	Nguyễn Hương	3,5	1,25	500	Nhựa	**Ông Nguyễn Văn Voi *(1949 - 1973)*** *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.*

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
								Với tài "xuất quỷ nhập thần" Ông đã tiêu diệt nhiều tên ác ôn làm bọn ngụy quân, ngụy quyền ở địa phương khiếp sợ. Ông anh dũng hy sinh trong trận đánh đồn Xẻo Mây (Tân Lễ) tháng 8/1973.
PHƯỜNG 11								
16	Kinh Mới	Thống Linh	Quốc lộ 30	3,5	1,5	3.000	Nhựa, đá mi	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.*
17	Tân Định	Đường số 02 khu dân cư	Thống Linh (giáp trụ sở Công an P. 11)	3,5	2	500	Nhựa	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.*
XÃ MỸ TRÀ								
18	Rạch Nhỏ	Quãng Khánh	Phạm Thị Nhị	3	2	655	Dal	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.*
19	Nguyễn Văn Sớm	Mương Khai	Cái Môn	4	3	1.512	Dal	**Liệt sĩ Nguyễn Văn Sớm *(1933 – 1961)*** Nguyên Tiểu đội trưởng, cấp bậc Thượng sĩ, Tiểu đoàn 502A - Bộ đội tỉnh Đồng Tháp

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
20	Ông Hoành	Điện Biên Phủ	Đường tránh Quốc lộ 30	4	3	2.380	Dal	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.*
21	Nguyễn Văn Dành	Trịnh Thị Cánh	Cống Bảy Cứ (ấp 2)	3	0,5 - 3	1.200	Dal, đá	**Liệt sĩ Nguyễn Văn Dành *(1950 – 1968)*** Hy sinh năm 1968, tại chiến trường Đường Thét huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
XÃ TÂN THUẬN TÂY								
22	Nguyễn Công Nhàn	Nguyễn Hữu Kiến	Đường Cái Tắc (giáp Hòa an)	3,5	1	4.500	Dal	**Ông Nguyễn Công Nhàn *(Mất năm 1872)*** Người chủ xướng đào kinh Vĩnh An Hà (An Giang). Từng kinh qua các chức vị: Thự đô đốc An Giang - Tổng đốc An Hà, Tuần phủ kiêm Bố Chánh Sứ Hà Tiên, Tổng đốc Định Tường…Năm 1840, do lập chiến công lớn, Vua Minh Mạng ban tấm kim bài có khắc chữ "Hùng Dõng chi tướng"

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
23	Lê Thị Thôi	Nguyễn Hữu Kiến	Nguyễn Công Nhàn	3,5	1	1.200	Nhựa	**Bà Lê Thị Thôi *(1915 - 2002)*** *"Bà mẹ Việt Nam Anh hùng", Mẹ* có chồng và 3 con là liệt sĩ
24	Lê Thị Kính	Nguyễn Hữu Kiến	Nguyễn Công Nhàn	3,5	1	1.600	Dal	**Bà Lê Thị Kính *(1920 - 2014)*** *"Bà mẹ Việt Nam Anh hùng", Mẹ* có chồng và 3 con là liệt sĩ.
25	Xép Cả Kích	Giáp sông tiền	Đường Rạch Dưa	3,5	1	2.400	Nhựa	**Rạch Dưa:** Giữa thế kỷ 18 xã Tân Thuận Tây ra đời, ông Hương cả Huỳnh Văn Kích, người có nhiều đất đai nằm hai bên xép, nên nhân dân gọi là xép Cả Kích.
26	Bãi Giồng	Xép Cả Kích	Giáp đất Dân	3	1	2.300	Dal	**Bãi Giồng:** Ở phía Tây Nam xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, ngăn cách với đất liền bởi xép Cả Kích. Bãi do phù sa song Tiền bồi đắp, chiếm khoảng một phần ba diện tích toàn xã.

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
27	Nguyễn Thị Bảy	Nguyễn Thị Đầm	Giáp đất Dân	3,5	1	1.800	Dal	**Bà Nguyễn Thị Bảy *(1911 - 2001)*** *"Bà mẹ Việt Nam Anh hùng"* Bà có 6 người con, trong đó có 3 người con là liệt sĩ, 1 người là thương binh và 1 người con có công với cách mạng.
28	Mai Thị Chuông	Hòa Tây	Nguyễn Công Nhàn	3,5	1	1.200	Nhựa	**Bà Mai Thị Chuông *(1906-1993)*** *"Bà mẹ Việt Nam Anh hùng"* Bà có người con trai duy nhứt là Liệt sĩ
29	Bằng Lăng	Hòa Tây	Giáp đất dân	4	1	1.800	Đất	**Bằng Lăng:** Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.
30	Kinh Ngang	Nguyễn Công Nhàn	Giáp sông tiền	3,5	1	800	Dal	**Kinh Ngang:** Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.
XÃ HÒA AN								
31	Xép Lá	Bà Bướm	Hòa Tây	3,5	1	1.436	Dal	**Xép Lá:** Vàm Xép Lá ở phường Hòa Thuận (TP. Cao Lãnh), rạch Xép Lá

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
								chảy vào đến xóm Giồng thì cùng và cuối ngọn có mấy lạch nước nhỏ (Thủ Bổn, Bà Thịnh,…), nay không còn. Xép Lá ngày xưa thuộc Hòa An, ở đây có mấy trại chằm lá của Hai Phẩm, Ba Nhi, Tư Phát, Hai Ngọ nên người dân quen gọi là Xép Lá.
32	Ngọn Cái Tôm	Nguyễn Thị Đầm	Hòa Tây	3,5	1	1.350	Dal	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân*
XÃ TỊNH THỚI								
33	Nguyễn Thị Trà	Tân Việt Hòa	Hồ Thị Trầm (cống chùa Thới An)	3,5	1,25	3.400	Nhựa	**Liệt sỹ Nguyễn Thị Trà *(Sinh năm 1932)*** Bí danh Sáu Cúc *"Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân"* Bà là một nữ đảng viên kiên trung được Đảng bộ và quần chúng tin tưởng và tín nhiệm.
34	Đinh Công Bê	Trần Trọng Khiêm (bến đò P3)	Cống Tám Nhường	3,5	1,25	6.000	Dal, nhựa	**Liệt sỹ Đinh Công Bê *(1932-1970)*** tên thường

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
								dùng Ba Chiến "*Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân"* Cấp bậc Đại đội bậc phó/Chính trị viên đại đội. Ông tái chế, sản suất hàng ngàn đạp lôi, lựu đạn gài, chông sắt… phục vụ đánh địch. Là người đầu tiên diệt xe bọc thép bằng vũ khí thô sơ và gài trái dụ máy bay địch đến để đánh.
35	Sông Tiên	Rạch Xẻo Hường (Cầu Bảy Tu giáp P6)	Trần Trọng Khiêm (cầu chùa Hội Khánh)	3,5	1,25	6.000	Đá mi	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân*
36	Xóm Hến	Văn Tấn Bảy (giáp tổ 15, Khóm 3, Phường 6)	Trần Trọng Khiêm (Cầu Khém Cá Chốt)	3,5	1,25	1.100	Dal	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân*
37	Dương Thị Mỹ	Tân Việt Hòa (Ngã ba cây me Ấp Tịnh Châu)	Hồ Thị Trầm (Cống Chùa Thới An)	3,5	0,75	3.400	Nhựa	**Bà Dương Thị Mỹ *(1913 - 2005)*.** *"Bà mẹ Việt Nam Anh hùng"*, Mẹ có chồng và 02 con là liệt sĩ.
38	Hồ Thị Trầm	Tân Việt Hòa (Cầu ông Khuôn,	Nguyễn Thị Trà (Cầu Bayley)	3,5	0,75	4.300	Nhựa	**Bà Hồ Thị Trầm *(1917 – 2005)***

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
		Ấp Tịnh Châu)						*"Bà mẹ Việt Nam Anh hùng".* UV.BCH Hội phụ nữ xã Tịnh Thới. Mẹ có chồng và 2 con là liệt sĩ.
39	Đình Tịnh Thới	Tân Việt Hòa (Cống bến đò Doi Me)	Nguyễn Thị Trà (Đình Tịnh Thới)	3,5	0,75	1.400	Nhựa	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.*
XÃ MỸ NGÃI								
40	Vạn Thọ	Mai Văn Khải	Cả Cái	3	1	1.750	Đá 0*4	**Liệt sĩ Nguyễn Vạn Thọ** Ông tham gia cách mạng từ năm 1946 với chức vụ Tiểu đội trưởng Công an xung phong huyện Cao Lãnh. Trong một trận trừ gian diệt tề ông đã hy sinh tại chợ Cao Lãnh. Để thuận lợi trong việc giao thông, chính quyền Việt Minh đã đào kinh từ chợ Bình trị đến kinh Ông kho và đặt tên là kinh Vạn Thọ.
41	Cả Xáng	Nguyễn Chí Thanh	Vạn Thọ	3	1	1.800	Đá 0*4	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.*

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
42	Cả Cái	Nguyễn Chí Thanh	Vạn Thọ	3	1	2.150	Đá 1*2	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.*
43	Lê Thị Phụng	Mai Văn Khải	Trần Văn Năng	3	1	2.041	Đá 0*4	**Bà Lê Thị Phụng *(1930-1996)*** ***"Bà mẹ Việt Nam Anh hùng"*** Những năm 1957-1958, Mẹ có đến 05 người con tham gia kháng chiến, trong đó có 3 người hy sinh; Mẹ dựng nhà, làm cơ sở nuôi giấu cán bộ (Tám Thiệt, Tám Hổ, Đội du kích xã Tân An...) và tích cực hoạt động cho bộ đội trong những năm ác liệt 1969-1972, góp phần đưa đất nước tới ngày toàn thắng.
44	Lê Văn Trung	Trần Văn Năng	Mai Văn Khải	4	1	1.200	Đá 0*4	**Liệt sĩ Lê Văn Trung** (*1921*- 1956.*)* Là con trai duy nhất trong gia đình giàu truyền thống cách mạng. Từng kinh qua nhiều chức vụ: Thư ký Ban

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
								Chấp hành Thanh niên cứu quốc xã Phong Mỹ; Ủy viên Huyện Đoàn thanh niên cứu quốc huyện Cao Lãnh; Ủy viên Ban cán sự Thanh niên cứu quốc miền Trung khu 8; Thường vụ/Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh Huyện ủy Lai Vung; Thường vụ Huyện ủy Cao Lãnh; Phó Bí thư Huyện ủy Cao Lãnh.
XÃ TÂN THUẬN ĐÔNG								
45	Kinh Xáng	Bến phà Hòa An - Tân Thuận Đông	Bến đò Đông Hòa qua Đông Định	4	1	2.000	Dal	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.*
46	Nguyễn Văn Trí	Kinh Xáng	Cầu tàu du lịch (nhà điều hành du lịch ấp Tân Phát)	3,5	0,5	2.900	Dal	**Liệt sĩ Nguyễn Văn Trí** (1938-1969) Bí danh: Nguyễn Hùng Dũng, Tên thường dùng: Bảy Tân. Được Đảng, Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất.
47	Phạm Thị Trọng	Chợ Tân Thuận Đông	Cầu Thiên Ngọc Minh Uy I	3,5	0,5	1.800	Nhựa, Dal	**Bà Phạm Thị Trọng** *"Bà mẹ Việt Nam Anh hùng"***,** Mẹ có hai người

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
								con là Liệt sĩ hy sinh vào các năm 1947, 1969.
48	Cồn Gòn	Giáp Sông Tiền (Nhà Năm Gà)	Bến đò An Nhơn	3,5	0,5	2.700	Dal	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.*
49	Trần Thị Lầu	Kinh xáng (Cầu Hai Mạnh)	Bến đò An Nhơn	3,5	0,5	2.800	Dal	**Bà Trần Thị Lầu** *"Bà mẹ Việt Nam Anh hùng"*, Mẹ có hai người con là Liệt sĩ hy sinh vào các năm 1962,1967.
50	Trần Thị Mến	Bến đò Đông Định	Chùa Đông Hòa Tự	3,5	0,5	2.300	Dal	**Bà Trần Thị Mến *(sinh năm 1918) "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng"*** Mẹ tham gia tiếp lương, tải đạn. Có con duy nhất là liệt sĩ Lê Văn Bé, hy sinh tại Bờ Xoài, kinh Hội Đồng Tường, xã Mỹ Long Hiệp, huyện Cao Lãnh.
51	Cồn Lân	Bến đò Đông Định	Nhà Ba Tùng đầu Cồn Lân (Ba Thầy Chinh)	3,5	0,5	3.200	Dal	*Tên gọi dân gian, địa danh ăn sâu vào tiềm thức người dân.*
1	Lê Văn Giáo	Đường Cao Thắng	Đường Lê Văn Đáng	9	5	535	Nhựa	
2	Nguyễn Văn Sành	Đường số 2 Khu Di tích NSS	Đường Nguyễn Thái học	5,5	3	225,3	Nhựa	

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
3	Lê Văn Hoanh	Đường số 1 Khu Di tích NSS	Đường Nguyễn Văn Sành	9	4	721,6	Nhựa	
PHƯỜNG 6								
4	Tân Việt Hòa	Đường Phạm Hữu Lầu	Bến đò Doi Me (Xã Tịnh Thới)			6.800	Nhựa	
	Đoạn 1: Phường 6	Đường Phạm Hữu Lầu	Cầu Bà Bảy (Giáp Tịnh Thới)	5	2	2.000	Nhựa	
	Đoạn 2: Xã Tịnh Thới	Cầu Bà Bảy (Giáp Phường 6)	Bến đò Doi Me	3,5	0,75	4.800	Nhựa	
5	An Nhơn	Đường Phạm Hữu Lầu	Bến đò An Nhơn	5	2	1.300	Nhựa	
6	Khai Long	Đường Phạm Hữu Lầu	Rạch Cái Quạ	3,5	1,25	1.500	Nhựa	
7	Nguyễn Hương	Nguyễn Văn Dũng	Cống Năm Bời (Xã Tịnh Thới)			6.475	Nhựa, đal	
	Đoạn 1	Đường Nguyễn Văn Dũng	Cầu Long Sa (giáp xã Tịnh Thới)	3,5	2	2.375	Nhựa, đal	Phường 6
	Đoạn 2	Cầu Long Sa	Cống Năm Bời	3,5	1,25	4.100	Nhựa	Xã Tịnh Thới
8	Lê Văn Kiếc	Đường Nguyễn Hương	Đường đất Hậu Trường ĐH ĐT	3	1	1.035	đal	
9	Nguyễn Văn Khải	Đường Tân Việt Hòa	Đường đất (giáp xã Tịnh Thới)	3,5	1,25	1.131	Nhựa	
10	Văn Tấn Bảy	Cầu Sông Tiên Khóm 4-5	Đường Xóm Hến (Xã Tịnh Thới)	3	1	2.525	đal	
11	Quản Bạch	Đường Cái Tôm	Đường An Nhơn	3	1	1.700	đal, Nhựa	
12	Miễu Ngói	Đường Phạm Hữu	Đường Quản Bạch	3,5	1,25	773	Nhựa	

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
		Lầu						
13	Trần Trọng Khiêm	Cầu Cái Tôm trong	Cầu chùa Hội Khánh			5.063	đal, đá mi	
	Đoạn 1: Phường 6	Cầu Cái Tôm trong (Trường CĐ Y tế)	Cống Cần Quỵch (giáp xã Tịnh Thới)	3	1	763	đal	
	Đoạn 2: Xã Tịnh Thới	Cống Cần Quỵch	Cầu chùa Hội Khánh	3,5	1,25	4.300	đal, đá mi	
14	Nguyễn Văn Dũng	Đường An Nhơn	Đường Nguyễn Hương	3,5	1,25	874	Nhựa	
15	Nguyễn Văn Voi	Đường Phạm Hữu Lầu	Đường Nguyễn Hương	3,5	1,25	500	Nhựa	
PHƯỜNG 11								
16	Kinh Mới	Đường Thống Linh	Quốc lộ 30	3,5	1,5	3.000	Nhựa, đá mi	
17	Tân Định	Đường số 02 khu dân cư	Thống Linh (giáp trụ sở Công an P. 11)	3,5	2	500	Nhựa	
XÃ MỸ TRÀ								
18	Rạch Nhỏ	Đường Quãng Khánh	Đường Phạm Thị Nhị	3	2	655	đal	
19	Nguyễn Văn Sớm	Đường Mương Khai	Cái Môn	4	3	1.512	đal	
20	Ông Hoành	Đường Điện Biên Phủ	Đường tránh Quốc lộ 30	4	3	2.380	đal	
21	Nguyễn Văn Dành	Đường Trịnh Thị Cánh	Cống Bảy Cứ (ấp 2)	3	0,5-3	1.200	đal, đá	
XÃ TÂN THUẬN TÂY								
22	Nguyễn Công Nhàn	Đường Nguyễn Hữu Kiến	Đường Cái Tắc (giáp Hòa an)	3,5	1	4.500	đal	
23	Lê Thị Thôi	Đường Nguyễn Hữu Kiến	Đường Nguyễn Công Nhàn	3,5	1	1.200	Nhựa	

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
24	Lê Thị Kính	Đường Nguyễn Hữu Kiến	Đường Nguyễn Công Nhàn	3,5	1	1.600	đal	
25	Xép Cả Kích	Giáp sông tiền	Đường Rạch Dưa	3,5	1	2.400	Nhựa	
26	Bãi Giồng	Xép Cả Kích	Giáp đất Dân	3	1	2.300	đal	
27	Nguyễn Thị Bảy	Đường Nguyễn Thị Đầm	Giáp đất Dân	3,5	1	1.800	đal	
28	Mai Thị Chuông	Hòa Tây	Đường Nguyễn Công Nhàn	3,5	1	1.200	Nhựa	
29	Bằng Lăng	Hòa Tây	Giáp đất dân	4	1	1.800	Đất	
30	Kinh Ngang	Đường Nguyễn Công Nhàn	Giáp sông tiền	3,5	1	800	đal	
XÃ HÒA AN								
31	Xép Lá	Đường Bà Bướm	Hòa Tây	3,5	1	1.436	đal	
32	Ngọn Cái Tôm	Đường Nguyễn Thị Đầm	Hòa Tây	3,5	1	1.350	đal	
XÃ TỊNH THỚI								
33	Nguyễn Thị Trà	Đường Tân Việt Hòa	Đường Hồ Thị Trầm (cống chùa Thới An)	3,5	1,25	3.400	Nhựa	
34	Đinh Công Bê	Đường Trần Trọng Khiêm (bến đò P3)	Cống Tám Nhường	3,5	1,25	6.000	đal, nhựa	
35	Sông Tiên	Rạch Xẻo Hường (Cầu Bảy Tu giáp P6)	Đường Trần Trọng Khiêm (cầu chùa Hội Khánh)	3,5	1,25	6.000	Đá mi	
36	Xóm Hến	Đường Văn Tấn Bảy (giáp tổ 15, Khóm 3,	Đường Trần Trọng Khiêm (Cầu Khém Cá	3,5	1,25	1.100	đal	

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
		Phường 6)	Chốt)					
37	Dương Thị Mỹ	Đường Tân Việt Hòa (Ngã ba cây me Ấp Tịnh Châu)	Đường Hồ Thị Trầm (Cống Chùa Thới An)	3,5	0,75	3.400	Nhựa	
38	Hồ Thị Trầm	Đường Tân Việt Hòa (Cầu ông Khuôn, Ấp Tịnh Châu)	Đường Nguyễn Thị Trà (Cầu Bayley)	3,5	0,75	4.300	Nhựa	
39	Đình Tịnh Thới	Đường Tân Việt Hòa (Cống bến đò Doi Me)	Đường Nguyễn Thị Trà (Đình Tịnh Thới)	3,5	0,75	1.400	Nhựa	
XÃ MỸ NGÃI								
40	Vạn Thọ	Đường Mai Văn Khải	Cả Cái	3	1	1.750	Đá 0*4	
41	Cả Xáng	Đường Nguyễn Chí Thanh	Vạn Thọ	3	1	1.800	Đá 0*4	
42	Cả Cái	Đường Nguyễn Chí Thanh	Vạn Thọ	3	1	2.150	Đá 1*2	
43	Lê Thị Phụng	Đường Mai Văn Khải	Đường Trần Văn Năng	3	1	2.041	Đá 0*4	
44	Lê Văn Trung	Đường Trần Văn Năng	Đường Mai Văn Khải	4	1	1.200	Đá 0*4	
XÃ TÂN THUẬN ĐÔNG								
45	Kinh Xáng	Bến phà Hòa An - Tân Thuận Đông	Bến đò Đông Hòa qua Đông Định	4	1	2.000	đal	
46	Nguyễn Văn Trí	Kinh Xáng	Cầu tàu du lịch (nhà điều hành du lịch ấp	3,5	0,5	2.900	đal	

TT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú *(Đổi, đặt tên mới hay giữ tên cũ)*
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
			Tân Phát)					
47	Phạm Thị Trọng	Chợ Tân Thuận Đông	Cầu Thiên Ngọc Minh Uy I	3,5	0,5	1.800	Nhựa, đal	
48	Cồn Gòn	Giáp Sông Tiền (Nhà Năm Gà)	Bến đò An Nhơn	3,5	0,5	2.700	đal	
49	Trần Thị Lầu	Kinh xáng (Cầu Hai Mạnh)	Bến đò An Nhơn	3,5	0,5	2.800	đal	
50	Trần Thị Mến	Bến đò Đông Định	Chùa Đông Hòa Tự	3,5	0,5	2.300	đal	
51	Cồn Lân	Bến đò Đông Định	Nhà Ba Tùng đầu Cồn Lân (Ba Thầy Chinh)	3,5	0,5	3.200	đal	
III	**DANH SÁCH ĐỔI TÊN ĐƯỜNG**							
XÃ MỸ TÂN (Đổi tên đường)								
01	Vạn Thọ (đặt tên năm 2009)	Đường Mai Văn Khải	Đường Bà Vại	3	1	2.200	Nhựa	Đổi tên đường Nguyễn Văn Phối